

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 63/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Đào Tiến N; sinh năm 1984; NKTT và chỗ ở: Thôn 4, xã P, huyện K, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M; sinh năm 1993; NKTT: Thôn 4, xã P, huyện K, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn 8, xã X, huyện K, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Đào Tiến N và chị Nguyễn Thị M.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*2.1 Về nuôi con:* Anh Đào Tiến N và chị Nguyễn Thị M có 02 con chung là Đào N Thiên H, sinh ngày 05/08/2012 và Đào Tiến Bảo Nam, sinh ngày 14/8/2015. Khi ly hôn, hai bên thoả thuận giao con chung là Đào Tiến Bảo Nam cho anh N nuôi dưỡng, giao con chung là Đào N Thiên H cho chị M nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau cho đến khi các con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu khác.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2 Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh Đào Tiến N và chị Nguyễn Thị M không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3 Về án phí: Anh Đào Tiến N tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số AA/2010/0005816 ngày 22/2/2021, anh N được hoàn lại 150.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã P  
(Số ĐKKH 129/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Trần Hồng Quang**